

DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.168

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VƯỜN THANH LONG Ở HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

Lê Cảnh Dững^{1*} và Trần Thị Thân²

¹Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

²Học viên cao học ngành Hệ thống nông nghiệp, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Lê Cảnh Dững (email: lcdung@ctu.edu.vn)

ABSTRACT

This study is aimed at evaluating financial investment effectiveness of dragon fruit orchard planted in Mang Thít district, Vinh Long province through directly interviews with 86 dragon fruit growers by using structured questionnaires. Indicators used to evaluate the investment effectiveness include total net present benefit (NPV), internal rate of return (IRR), benefit cost ratio (BCR) and payback period (PP). The analysis was conducted based on three scenarios: the first is base scenario of actual farmgate price and the other two hypothetical scenarios of decreased farmgate prices by 30% and 50% compared to actual price. The research results showed that dragon fruit cultivation requires large initial investment capital while the profits are also very high, e.g averaged annual net present value ranged from 192 million/ha/year to 1,2 billion/ha/year according to orchard yearold, meanwhile, the orchard owners need 2 years to payback their initial investemnt cost. However, when decreased prices by 30% and 50% compared to base scenario price, the investment effectiveness of the dragon fruit orchards decreases seriously, consequently newly established orchards could not be able to pay back the initial investment cost. In order to minimize risks of decline prices, dragon farmers are advised to pursue value chain linkage as well as apply off-season harvesting techniques for avoiding the surplus of supply over demand within a certain market.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư vườn thanh long ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, được thực hiện bằng phỏng vấn 86 hộ trồng thanh long bằng phiếu câu hỏi cấu trúc. Các chỉ số đánh giá hiệu quả đầu tư gồm giá trị hiện tại ròng, nội suất sinh lợi, tỉ suất hiệu quả đồng vốn và thời gian hoàn vốn. Phân tích được thực hiện trên 3 kịch bản: 1 kịch bản nền với giá thực tế và 2 kịch bản giả định về giá giảm 30% và 50% so với giá thực tế. Kết quả cho thấy trồng thanh long cần vốn đầu tư lớn nhưng lợi nhuận mang lại cũng rất cao, theo đó giá trị hiện tại ròng trung bình của nhà vườn đạt 192 triệu đồng/ha/năm đến 1,2 tỉ đồng/ha/năm tùy theo tuổi vườn, đồng thời nhà vườn chỉ cần 2 năm để hoàn vốn đầu tư. Tuy nhiên, giá giảm 30% và 50% thì hiệu quả đầu tư của vườn giảm sút nghiêm trọng, theo đó hầu hết các vườn mới thành lập không có khả năng hoàn vốn. Để hạn chế rủi ro do về giá, các nhà vườn cần thực hiện liên kết chuỗi giá trị cũng như áp dụng kỹ thuật ra hoa, rải vụ thu hoạch nhằm tránh tình trạng cung vượt cầu trong không gian thị trường nhất định.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 22/06/2020

Ngày nhận bài sửa: 12/08/2020

Ngày duyệt đăng: 28/12/2020

Title:

Assessing the investment effectiveness of dragon fruit orchards in the Mekong Delta: A case study in Mang Thít district, Vinh Long province

Từ khóa:

Hiệu quả đầu tư, huyện Mang Thít, IRR, NPV, thanh long

Keywords:

Dragon fruit, investment effectiveness, IRR, Mang Thít district, NPV

Trích dẫn: Lê Cảnh Dững và Trần Thị Thân, 2020. Hiệu quả đầu tư vườn thanh long ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(6D): 280-288.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Thanh long (tên tiếng Anh là dragon fruit và tên khoa học là *Hylocereus undulatus*, Haw) được trồng khá phổ biến ở các nước nhiệt đới ở Châu Mỹ và Châu Á. Tại Việt Nam, thanh long được trồng chủ yếu ở Bình Thuận, Long An và Tiền Giang và là một trong 12 loại cây ăn quả được chú trọng quy hoạch phát triển ở khu vực Nam bộ, trong đó có Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2017). Mục tiêu của quy hoạch diện tích thanh long cả nước đến 2020 là 24.800 ha, riêng ở ĐBSCL là 7.300 ha, tập trung ở 2 tỉnh Tiền Giang và Long An (Quyết Định 1648/QĐ-BNN-TT, 2013). Tuy nhiên, do lợi nhuận cao mà diện tích thực tế của thanh long ở ĐBSCL đã cao hơn so diện tích quy hoạch, chẳng hạn như ở Long An có khoảng 11.000 ha và Tiền Giang có 8.000 ha và một số tỉnh khác không nằm trong quy hoạch cũng có những diện tích nhất định.

Tỉnh Vĩnh Long, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi và vị trí nằm ở trung tâm ĐBSCL, nên diện tích cây thanh long đã phát triển khoảng 254 ha, riêng huyện Mang Thít là 125 ha, chiếm 48% diện tích toàn tỉnh, và dự kiến sẽ tiếp tục tăng. Thanh long mang lại giá trị xuất khẩu cũng như lợi nhuận cho người nông dân rất lớn, số liệu thống kê cho thấy giá trị xuất khẩu thanh long của Việt Nam tăng từ hơn 57 triệu USD năm 2010 lên hơn 483 triệu USD năm 2015 và khoảng 1,1 tỷ USD năm 2018. Thị trường xuất khẩu thanh long lớn nhất là Trung Quốc (chiếm 80%), kế đến là Singapore, Indonesia, và một số nước khác (Cục Xúc tiến Thương mại, 2019). Tuy nhiên, gần đây diện tích thanh long đang gia tăng ở Trung Quốc và giá thanh long luôn biến động khó dự đoán trong khi đầu tư ban đầu cũng như chi phí hàng năm khá lớn nên hiệu quả đầu tư luôn tiềm ẩn rủi ro. Nghiên cứu này vì vậy trước hết là đánh giá hiệu quả đầu tư gồm 4 thông số: giá trị hiện tại ròng (NPV), nội suất sinh lợi (IRR), tỉ suất hiệu quả đồng vốn (BCR) và thời gian hoàn vốn (PP) của các vườn thanh long ở huyện Mang Thít được trồng từ năm 2011 đến 2018, đồng thời, phân tích độ nhạy về giá giảm 30% và 50% so giá thực tế để xác định khả năng chịu đựng của nhà vườn, từ đó giúp người nông dân có giải pháp ổn định giá và phát triển diện tích thanh long.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Vùng nghiên cứu và dữ liệu thu thập

Mang Thít là 1 trong 8 đơn vị hành chính của tỉnh Vĩnh Long, có diện tích tự nhiên là 15.769 ha, trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 12.032 ha,

nằm trong khu vực đủ nguồn nước ngọt quanh năm rất thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Toàn huyện có 125 ha vườn thanh long với sản lượng khoảng 8.800 tấn/năm (2018), riêng 3 xã An Phước, Chánh An và Mỹ Phước có 110 hộ trồng với 79 ha chiếm 63% diện tích thanh long toàn huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Mang Thít, 2019).

Nghiên cứu này đã khảo sát 86 hộ từ tổng thể 110 hộ bằng công thức Slovin với sai số cho phép là $e = 0,05$ ($86 = 110 / (1 + 110 * 0,05 * 0,05)$), sau đó 86 hộ được chọn ngẫu nhiên theo tỉ lệ số vườn thanh long tại 3 xã nói trên. Thông tin được thu thập bằng bảng câu hỏi cấu trúc vào cuối năm 2019. Các vườn thanh long khảo sát được trồng trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2018, tập trung nhiều ở các năm 2015 về sau. Số liệu của hộ trồng thanh long liên quan đến giá trị tiền đầu tư ban đầu, chi phí hàng năm và doanh thu ở các năm trong quá khứ của tất cả các hộ khảo sát được quy đổi về giá trị hiện tại năm 2019 với lãi suất chiết khấu 10%/năm bằng trung bình lãi suất vay ngân hàng mà các hộ trồng thanh long đã vay trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2018.

2.2 Cách tiếp cận và các chỉ số đánh giá hiệu quả đầu tư

Cách tiếp cận để đánh giá hiệu quả đầu tư vườn thanh long dựa theo lý thuyết phân tích chi phí – lợi ích dự án (Boardman *et al.*, 2006) và phân tích tài chính dự án (IFAD, 2015; FAO, 1997). Theo đó, 4 chỉ số quan trọng gồm Giá trị hiện tại ròng (NPV: net present value), Nội suất sinh lợi (IRR: internal rate of return), Hiệu suất đồng vốn (BCR: benefit cost ratio) và thời gian hoàn vốn (PP: payback period) được sử dụng.

Trong 86 hộ khảo sát, số vườn thanh long trồng từng năm được phân bố như Bảng 1.

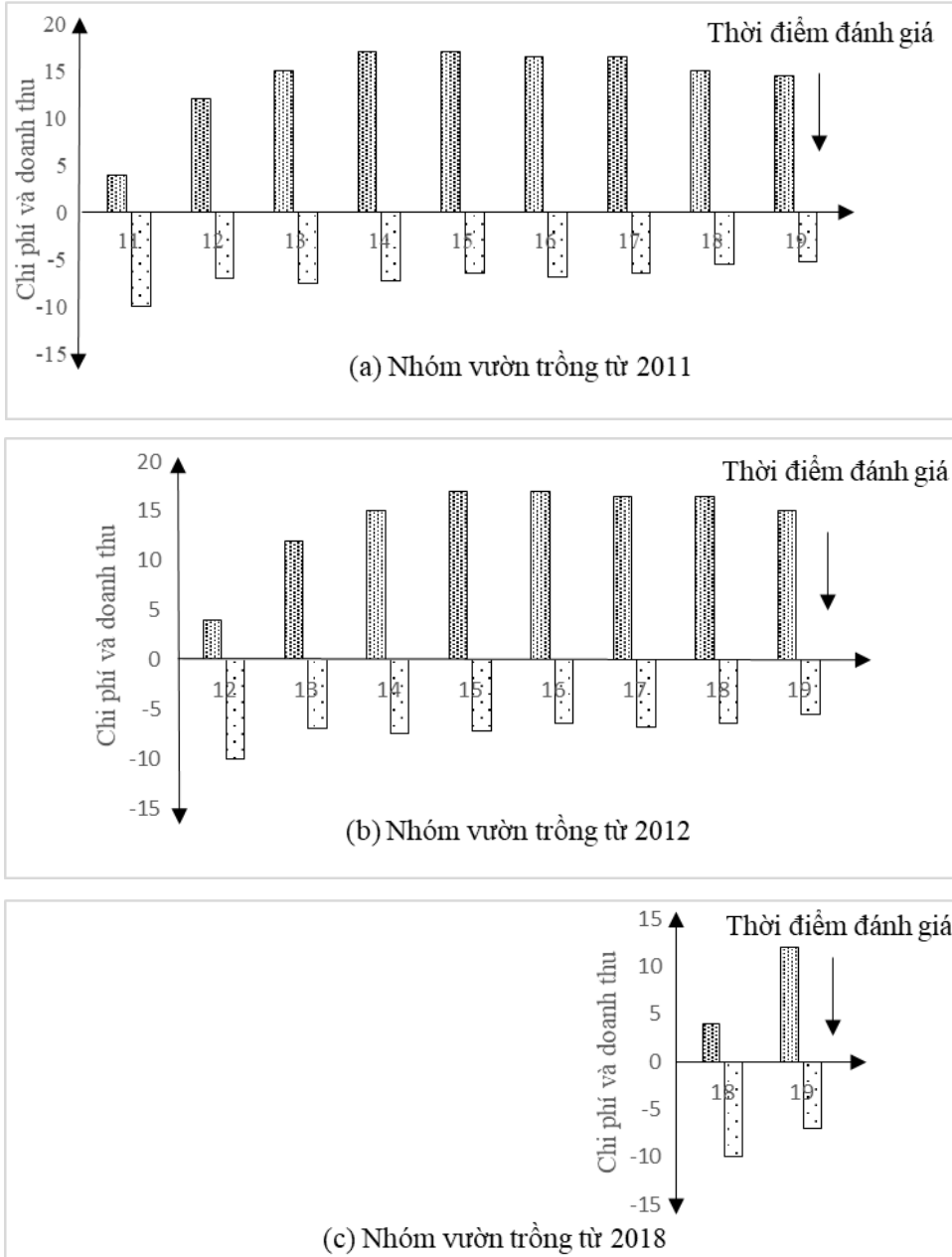
Bảng 1: Phân bố số vườn thanh long của mẫu khảo sát theo năm trồng

Năm trồng	Số vườn khảo sát	Tỉ trọng (%)
2011	2	2
2012	5	6
2013	1	1
2014	2	2
2015	14	16
2016	28	33
2017	22	26
2018	12	14
Tổng cộng	86	100

Các vườn có cùng chung năm trồng được xếp cùng một nhóm để đánh giá hiệu quả đầu tư theo từng nhóm cho đến thời điểm hiện tại năm 2019 theo

dạng dự án đang tiếp tục hoạt động (*In medias res*) của Boardman *et al.* (2006). Như vậy, nhóm trồng năm 2011 có tuổi đời là 9 năm (tính cả năm đầu tiên thành lập vườn, Hình 1 a) trong khi nhóm trồng năm 2012 là 8 năm (Hình 1b), tương tự như vậy cho các năm tiếp theo, và nhóm trồng năm 2018 có tuổi đời

chỉ 2 năm (Hình 1c). Các số liệu về năng suất được nông dân ước tính theo năng suất trên mỗi trụ nhân với mật độ số trụ trên diện tích và giá bán trong các năm được phần lớn số hộ trồng thanh long ghi chép nên việc thu thập số liệu của các hộ này được thuận lợi và đáng tin cậy.



Hình 1: Minh họa số năm và thời điểm đánh giá vườn thanh long theo nhóm năm trồng

(Ghi chú: các số 11-19 là hai số cuối của năm)

Giả thuyết đặt ra là các vườn đã trồng khá lâu năm có thể cho các chỉ số hiệu quả đầu tư tốt, trong khi các vườn mới trồng gần đây từ 2017 về sau có

thể còn bị lỗ và chưa thu hồi vốn. Bốn chỉ số hiệu quả đầu tư được tính theo các công thức như sau:

(i) Giá trị hiện tại ròng (NPV) trên đơn vị diện tích 1 ha, công thức được viết như sau:

$$NPV = \frac{B_0 - C_0}{(1+r)^0} + \frac{B_1 - C_1}{(1+r)^1} + \dots + \frac{B_t - C_t}{(1+r)^t} = \sum_{t=0}^k \frac{(B - C)_t}{(1+r)^t}$$

Trong công thức này và các công thức bên dưới, các ký hiệu được hiểu như sau:

B_t : doanh thu ở năm t (triệu đồng/ha)

C_t : chi phí ở năm t (triệu đồng/ha)

r : lãi suất chiết khấu (10%/năm, dựa trên chi phí cơ hội của đồng vốn với lãi suất mà đa số hộ đã vay vốn để xây dựng vườn thanh long tại vùng khảo sát như ở Bảng 2)

t : thời gian tính bằng năm từ khi trồng đến thời điểm đánh giá là năm 2019 ($t=0, 1, 2, 3, \dots, 8$), giá trị t tùy theo nhóm của năm trồng.

Khi NPV dương ($NPV > 0$), có nghĩa là vườn thanh long cho hiệu quả đầu tư tốt, và NPV càng cao thì vườn thanh long càng có hiệu quả.

(ii) Nội suất sinh lợi (IRR), công thức được viết như sau:

IRR là lãi suất chiết khấu tính bằng phần trăm (%) mà ở đó tổng giá trị doanh thu hiện tại bằng với tổng giá trị hiện tại của chi phí, đó là lãi suất chiết khấu làm cho $NPV = 0$. Nói cách khác, khi $NPV = 0$, lãi suất chiết khấu r được gọi là IRR. Trong nghiên cứu này, khi IRR lớn hơn r (10%/năm) điều này có nghĩa vườn thanh long luôn luôn có NPV dương.

$$NPV = \frac{B_0 - C_0}{(1+IRR)^0} + \frac{B_1 - C_1}{(1+IRR)^1} + \dots + \frac{B_t - C_t}{(1+IRR)^t} = \sum_{t=0}^k \frac{(B - C)_t}{(1+IRR)^t} = 0$$

(iii) Tỷ suất đồng vốn (BCR), công thức được viết như sau:

$$BCR = \frac{B}{C} = \frac{\sum_{t=0}^k \frac{B_t}{(1+r)^t}}{\sum_{t=0}^k \frac{C_t}{(1+r)^t}}$$

Khi $BCR > 1$ thì đồng vốn sử dụng có hiệu quả.

(iv) Thời gian hoàn vốn (PP) là chỉ số được tính bằng năm. Đây là thời điểm mà tại đó tổng lợi nhuận

và chi phí chiết khấu bằng nhau, đó là thời điểm vườn thanh long có thể hoàn vốn.

2.3 Các kịch bản về giá tiêu thụ thanh long

Để xác định khả năng chịu đựng tài chính của vườn thanh long dưới sự biến động của giá tại đồng. Ba kịch bản (scenarios) về giá tại đồng được sử dụng, bao gồm kịch bản nền (kịch bản 0) sử dụng giá tại đồng thực tế diễn ra trong các năm qua, và hai kịch bản khác là kịch bản giá giảm 30% so với giá kịch bản nền (kịch bản 1), và kịch bản giá giảm 50% so với giá kịch bản nền (kịch bản 2) (Bảng 2). Hai kịch bản giá giảm 30% và 50% được sử dụng do các năm qua thanh long xuất khẩu chủ yếu qua thị trường Trung Quốc với giá không ổn định, có khi giảm sâu còn khoảng 10.000 đồng/kg (Nhật Trường, 2020).

Bảng 2: Giá thu mua thanh long theo năm của kịch bản nền và 2 kịch bản khác (đồng/kg)

Năm	Kịch bản nền (kịch bản 0)	Kịch bản 1 (giảm 30%)	Kịch bản 2 (giảm 50%)
2011	40	28	20
2012	39	27	19
2013	36	25	18
2014	37	26	18
2015	35	24	17
2016	33	23	17
2017	31	22	16
2018	29	20	14
Trung bình	35	24	17

3 KẾT QUẢ THẢO LUẬN

3.1 Quá trình phát triển thanh long và nguồn lực nông hộ

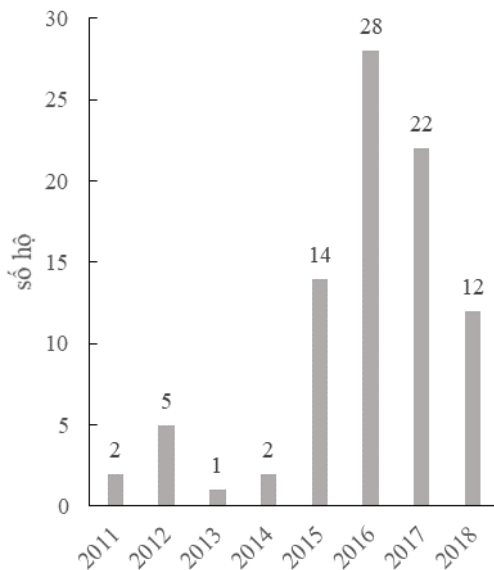
Thanh long là loại cây ăn quả được du nhập vào ĐBSCL nhiều năm nhưng ở Vĩnh Long thì thanh long mới được trồng trong các năm gần đây, vì vậy, số năm kinh nghiệm trung bình của nông hộ vườn thanh long là 3,34 năm. Diện tích đất nông nghiệp của nông hộ trung bình chỉ 1,3 ha, trong đó diện tích vườn thanh long chỉ 0,5 ha, chiếm 38,5% diện tích đất nông nghiệp của hộ. Thanh long được trồng với mật độ 1.370 cây/ha (Bảng 3). Độ tuổi trung bình của chủ hộ trồng thanh long là 48,1; trong đó, phần lớn là nam giới làm chủ hộ (76,7%). Các chủ hộ có trình độ học vấn khoảng 8 năm đi học, điều này thuận lợi để các chủ hộ có thể tiếp thu các kỹ thuật nông nghiệp liên quan. Quy mô nông hộ chỉ với 3,7 nhân khẩu/hộ, trong đó, lực lượng lao động trung bình đạt 1,3 người/hộ, chiếm khoảng 35% quy mô nhân khẩu.

Bảng 3: Thông tin nguồn lực nông hộ trồng thanh long huyện Mang Thít

Các thông tin	Trung Độ lệch	
	biên	chuẩn
Tuổi chủ hộ (năm)	48,1	12,1
Giới tính chủ hộ (%)		
+ Nam	76,7	-
+ Nữ	23,3	-
Học vấn chủ hộ (số năm đi học)	8,4	3,9
Tổng số nhân khẩu (người)	3,7	1,3
Số lao động (người)	1,3	0,5
Kinh nghiệm trồng (năm)	3,34	1,6
Tổng diện tích đất nông nghiệp (ha/hộ)	1,34	1,78
Diện tích trồng thanh long (ha/hộ)	0,50	0,34
Mật độ trồng (cây/ha)	1.370	287
Tuổi vườn (năm)	3,34	1,6
Tình hình vay vốn		
+ Số hộ vay (hộ)	31 (36%)	
+ Lượng tiền vay (triệu đồng/hộ)	129	94
+ Lãi suất (%/tháng)	9,69	1,36

Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019.

Người dân mới trồng thanh long trong các năm từ 2011, số hộ trồng cũng tương đối thấp ở các năm

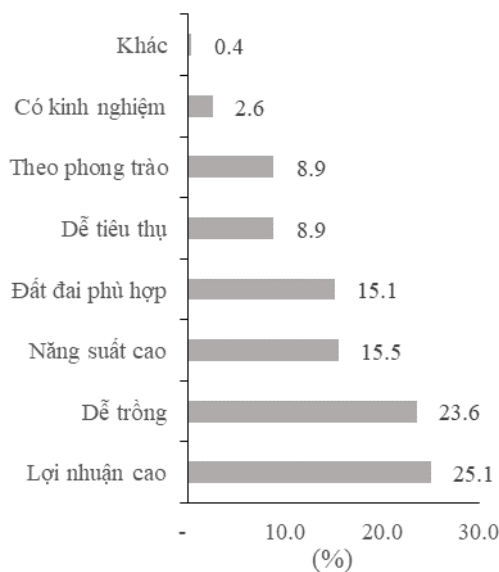


(a) Số hộ trồng theo năm

đầu và chi trồng nhiều ở các năm 2015 về sau (Hình 2a). Nhờ đất đai phù hợp, cây thanh long cho năng suất và lợi nhuận cao, dễ trồng là những lý do chính mà người dân đã trồng loại cây này (Hình 2b).

Trồng thanh long cần vốn đầu tư ban đầu lớn nên có đến 36% số hộ đã vay vốn từ các ngân hàng thương mại. Số vốn vay trung bình là 129 triệu đồng/hộ và lãi suất trung bình là 9,69%/tháng.

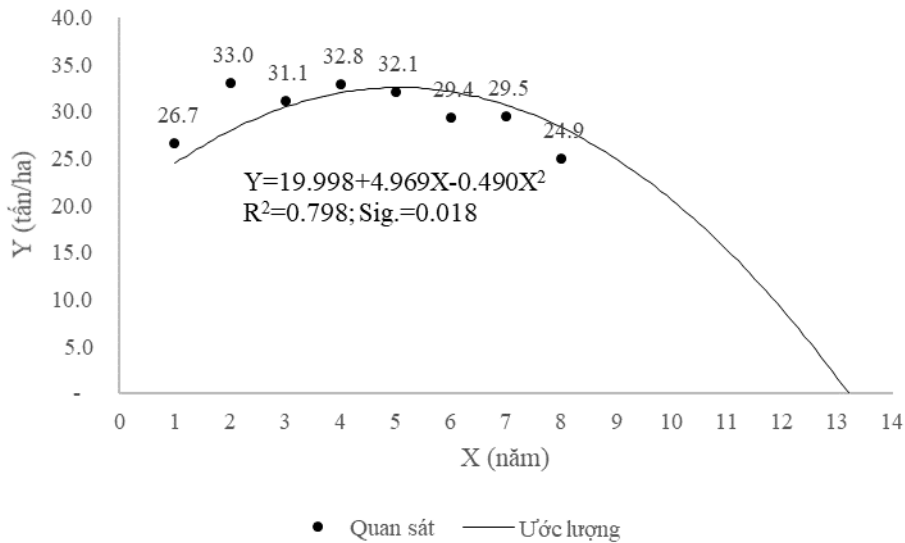
Năng suất thanh long ở nhóm hộ khảo sát khá cao, tuy nhiên, chúng biến động theo tuổi vườn với mô hình phi tuyến. Sau gần một năm trồng, thanh long bắt đầu cho năng suất nhưng còn thấp (trái bói) và dần cao lên ở các năm thứ 2, 3, 4, 5..., sau đó giảm dần khi tuổi vườn đạt đến năm thứ 7, 8 và sau đó (Hình 3). Một mô hình ước lượng sử dụng trung bình năng suất của 8 nhóm hộ theo năm trồng (2011 đến 2018) cho thấy có tương quan chặt chẽ, có đến 79,8% sự biến động của năng suất được giải thích do sự biến đổi của tuổi vườn thanh long ($R^2 = 0,798$, Sig. value = 0,018). Qua mô hình ước lượng này cũng cho thấy tuổi vườn thanh long còn có thể cho thu hoạch đến năm thứ 12 và chấm dứt ở năm thứ 13, điều này phù hợp với đặc điểm sinh học cây thanh long (Nguyễn Văn Kế, 2008).



(b) Lý do trồng

Hình 2: Lý do trồng và số hộ trồng theo năm

Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019.



Hình 3: Năng suất thanh long theo tuổi vườn

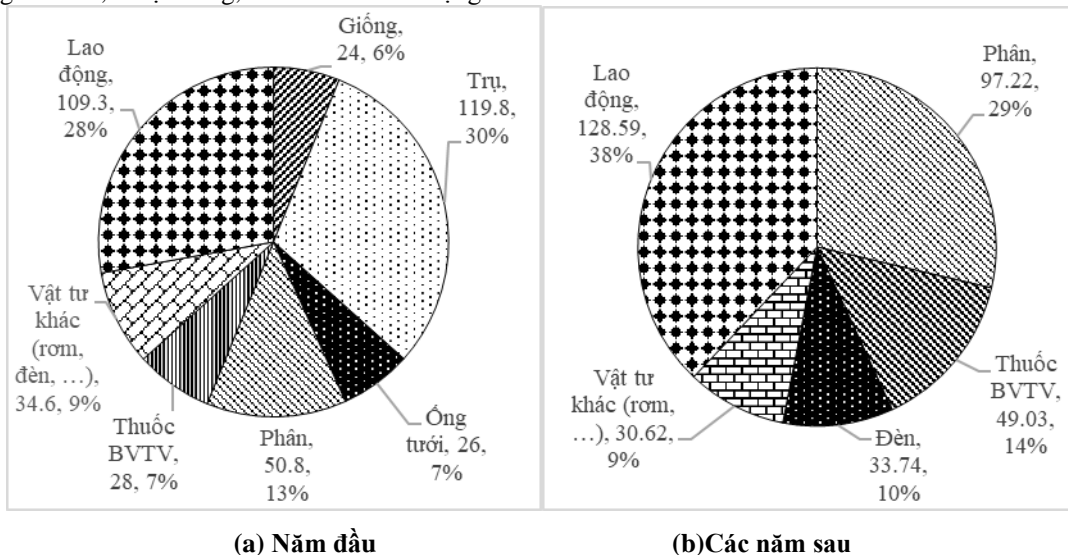
Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019

3.2 Hiệu quả đầu tư vườn thanh long

3.2.1 Chi phí sản xuất thanh long

Trồng thanh long có chi phí đầu tư ban đầu rất lớn (năm 0), trung bình gần là 392 triệu đồng/ha. Chi phí chiếm tỉ trọng lớn nhất là trụ và giàn đỡ thanh long bám theo khi sinh trưởng với 119,8 triệu đồng, chiếm 30% tổng chi phí đầu tư. Kế tiếp là chi phí lao động với 109,3 triệu đồng, chiếm 28%. Lao động để

cải tạo vườn, đào hố trồng và nhiều công việc chăm sóc khác. Năm đầu tiên, chi phí phân bón cũng chiếm đáng kể, đến 50,8 triệu đồng và chiếm 12,9%. Ngoài ra, chủ vườn còn phải chi thêm nhiều khoản khác như giống, ống tưới nước, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) (Hình 3a). Tóm lại, nhà vườn phải đầu tư nguồn vốn khá lớn mới có thể xây dựng hoàn thiện một vườn thanh long có tính thương mại.



Hình 3: Chi phí trung bình (triệu đồng/ha/năm) và cơ cấu chi phí (%)

Vườn thanh long ở các năm tiếp theo sau khi trồng cũng phải tốn trung bình là 339 triệu đồng/ha/năm. Hình 3b cho thấy cấu trúc chi phí

hàng năm của vườn thanh long (từ năm thứ 1 đến thứ 8 sau khi trồng), trong đó nhiều nhất là lao động (gia đình và lao động thuê) để chăm sóc với 128,59

triệu đồng/ha/năm chiếm 38%, kể đến là phân và thuốc BVTV, đèn thấp sáng và vật tư khác, ...

3.2.2 Hiệu quả đầu tư vườn thanh long ở kịch bản nền

Trong 86 hộ khảo sát, các vườn thanh long được trồng trong gia đoạn từ năm 2011 đến năm 2018. Trên cơ sở này, diện tích trung bình vườn thanh long theo nhóm hộ ở từng năm được xác định như ở Bảng 4; đồng thời, các chỉ số hiệu quả đầu tư cũng được tính toán. Theo đó, các vườn thanh long hầu như đều

có lợi nhuận cao và cho tổng lợi nhuận ròng (NPV) trong vòng đời của vườn là đều dương, dẫn tới lợi nhuận ròng trên đơn vị diện tích trong 1 năm đều dương và khá lớn, ngoại trừ vườn mới trồng năm 2018 chưa thu hồi vốn. Chỉ số IRR ở tất cả các nhóm hộ (ngoại trừ nhóm 2018) đều rất lớn và lớn hơn 10% là lãi suất vốn vay, điều này cho thấy các vườn thanh long đều có tính khả thi về tài chính. Hiệu quả đồng vốn đều lớn hơn 1. Các vườn thanh long đều có thể thu hồi vốn vào cuối năm thứ 2 tính từ thời điểm trồng.

Bảng 4: Hiệu quả đầu tư vườn thanh long theo năm trồng ở kịch bản 0 (R=10%/năm)

Các chỉ tiêu	Nhóm hộ theo năm trồng (n=86)							
	2011 (n=2)	2012 (n=5)	2013 (n=1)	2014 (n=2)	2015 (n=14)	2016 (n=28)	2017 (n=22)	2018 (n=12)
Tổng chi (triệu/ha)	2.628	3.072	2.324	3.151	1.900	1.463	1.115	929
Tổng thu (triệu/ha)	13.895	12.154	6.451	7.167	5.435	2.538	1.692	789
NPV (triệu/ha)	11.265	9.082	4.126	4.094	3.534	1.075	578	-140
IRR (%)	388	273	238	268	249	122	87	-0,28
BCR (lần)	5,29	3,96	2,78	2,27	2,86	1,73	1,52	0,85
PP (năm)	2	2	2	2	2	2	2	Chưa
NPV/ha/năm (triệu/năm/ha)	1.251	1.135	589	682	706	268	192	-70

Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019.

3.3 Hiệu quả đầu tư vườn thanh long theo 2 kịch bản về giảm giá tiêu thụ

3.3.1 Kịch bản 1 – giá tiêu thụ giảm 30%

Hiệu quả đầu tư vườn thanh long khi giá thu mua tại đồng (giá công trại) bị giảm 30% (kịch bản 1) được thể hiện ở Bảng 5. Kết quả phân tích cho thấy rằng các chỉ số hiệu quả đầu tư đều giảm rõ rệt, mặc dù các vườn thanh long cũng đang có lợi nhuận dương, ngoại trừ vườn mới thành lập năm 2018 chưa thu hồi vốn. Khi giá giảm 30% thì số năm hoàn vốn của các vườn thành lập trễ từ 2016 và 2017 phải cần

thêm 1 năm nữa mới có thể hoàn vốn, do các vườn này có tuổi vườn thấp nên năng suất cũng còn thấp dẫn đến tổng doanh thu chưa đủ lớn để hoàn vốn sớm so với khi giá thu mua chưa giảm. Khi giá giảm 30% thì vườn thanh long bắt đầu trễ, chẳng hạn năm 2017 thì lợi nhuận ròng thấp, chỉ khoảng 23 triệu/ha/năm, ngoài ra vườn bắt đầu từ 2018 vẫn chưa thu hồi vốn mà còn làm trầm trọng thêm việc thua lỗ (lợi nhuận âm nhiều hơn so với kịch bản nền).

Bảng 5: Hiệu quả đầu tư vườn thanh long theo năm trồng ở kịch bản 1 (R=10%/năm)

Các chỉ tiêu	Nhóm hộ theo năm trồng							
	2011 (n=2)	2012 (n=5)	2013 (n=1)	2014 (n=2)	2015 (n=14)	2016 (n=28)	2017 (n=22)	2018 (n=12)
Tổng chi (triệu/ha)	2.628	3.072	2.324	3.151	1.900	1.463	1.115	929
Tổng thu (triệu/ha)	9.727	8.507	4.516	5.018	3.804	1.777	1.185	552
NPV (triệu/ha)	7.098	5.435	2.190	1.990	1.904	330	70	-377
IRR (%)	257	174	140	147	143	40	11	-0,76
BCR (lần)	3,70	2,77	1,94	1,59	2,00	1,21	1,06	0,59
PP (năm)	2	2	2	2	2	3	3	Chưa
NPV/ha/năm (triệu/năm/ha)	789	679	313	332	381	82	23	-189

Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019.

3.3.2 Kịch bản 2 – giá tiêu thụ giảm 50%

Khi giá giảm 50% so kịch bản nền thì các chỉ số hiệu quả đầu tư đều thay đổi theo chiều hướng xấu

đi so với kịch bản nền và kịch bản 1. Số năm để hoàn vốn của các vườn thanh long bắt đầu từ 2012 trở về sau đến 2015 phải cần thêm thời gian 1 năm để hoàn

vốn, và các vườn từ 2016 đến 2018 có lợi nhuận âm và không thể hoàn vốn. Đối với các vườn bắt đầu sớm từ 2011 đến 2015 còn cho NPV cũng như NPV/năm dương và khá cao, đồng thời chỉ số IRR

cũng còn cao và lớn hơn 10% của lãi suất đồng vốn (Bảng 6). Điều này đồng nghĩa là các vườn thanh long bắt đầu sớm, có tuổi đời từ 5 năm trở lên vẫn có thể có hiệu quả đầu tư tốt.

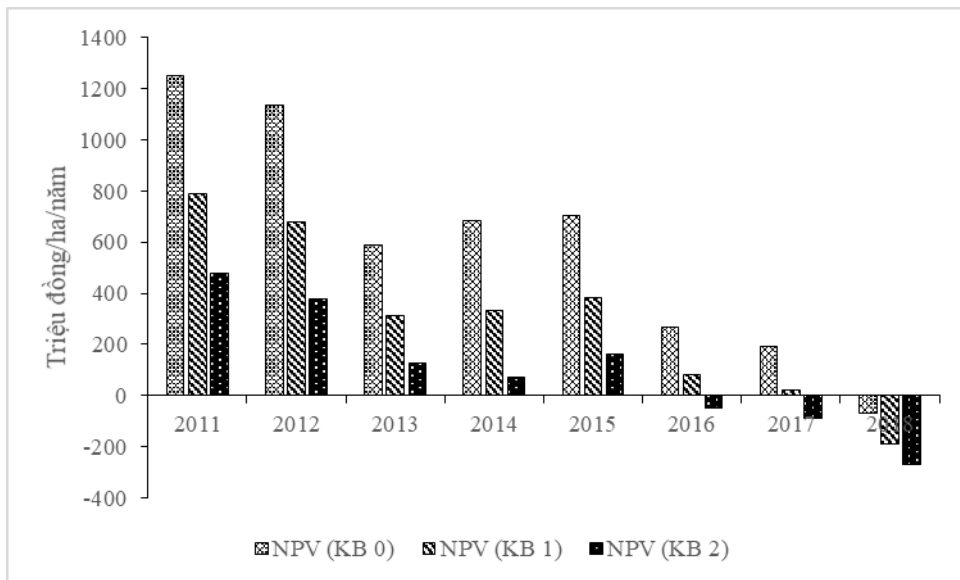
Bảng 6: Hiệu quả đầu tư vườn thanh long theo năm trồng ở kịch bản 2 (R=10%/năm)

Các chỉ tiêu	Nhóm hộ theo năm trồng							
	2011 (n=2)	2012 (n=5)	2013 (n=1)	2014 (n=2)	2015 (n=14)	2016 (n=28)	2017 (n=22)	2018 (n=12)
Tổng chi (triệu/ha)	2.628	3.072	2.324	3.151	1.900	1.463	1.115	929
Tổng thu (triệu/ha)	6.948	6.077	3.226	3.584	2.717	1.269	846	395
NPV (triệu/ha)	4.319	3.005	901	432	817	-194	-268	-534
IRR (%)	168	106	69	50	68	-27	-0,4	-
BCR (lần)	2,64	1,98	1,39	1,14	1,43	0,87	0,76	0,43
PP (năm)	2	3	3	3	3	Chưa	Chưa	Chưa
NPV/ha/năm (triệu/năm/ha)	480	376	129	72	163	-49	-90	-267

Nguồn: Khảo sát thực tế năm 2019

Tóm lại, kịch bản nền (kịch bản 0) cho thấy tất cả các vườn thanh long có tuổi đời từ 2 năm trở lên (trồng từ 2017 trở về 2011) đều có NPV dương, ngoại trừ vườn trồng năm 2018 còn bị lỗ do chưa đủ

thời gian hoàn vốn. Ở kịch bản 1 và 2 tương ứng với giá tiêu thụ giảm 30% và 50% đã làm cho NPV của các vườn giảm đáng kể, đặc biệt ở kịch bản 2 làm cho vườn thanh long trồng từ năm 2016 về sau có NPV âm (Hình 4).



Hình 4: Giá trị hiện tại ròng của vườn thanh long theo kịch bản về giá

4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Vườn thanh long được bắt đầu trồng ở huyện Mang Thít từ năm 2011, tập trung nhiều nhất ở các năm 2015 – 2016, sau đó giảm dần đến 2018. Thanh long cho năng suất khá tốt, biến động từ thấp nhất 25 tấn/ha đến 36 tấn/ha tùy theo tuổi vườn. Năng suất biến động theo mô hình hàm bậc 2 so tuổi vườn và chấm dứt khai thác ở năm thứ 10 sau khi trồng.

Trồng thanh long tốn chi phí đầu tư ban đầu gần 400 triệu đồng/ha, các năm sau cũng tốn khá nhiều chi phí, khoảng trên 300 triệu đồng/ha/năm. Thanh long trong các năm qua có giá bán tại vườn biến động, nhưng đồng thời thanh long cũng cho lợi nhuận cao, các chỉ số hiệu quả đầu tư trên thực tế đều tốt và chỉ cần 2 năm thì các nhà vườn có thể thu hồi vốn.

Khi giá giảm, đặc biệt giảm sâu 50% so với giá ở kịch bản nền thì các chỉ số hiệu quả đầu tư của vườn thanh long như NPV, IRR, BCR bị ảnh hưởng nghiêm trọng, lúc này các vườn có tuổi đời trẻ từ 2016, 2017, 2018 bị lỗ, không thể hoàn vốn đầu tư ban đầu.

4.2 Kiến nghị

Để vườn thanh long có hiệu quả đầu tư tốt, các nông hộ trồng thanh long cần xây dựng liên kết chuỗi giá trị từ người sản xuất đến công ty thu mua, tiêu thụ và xuất khẩu để ổn định giá tiêu thụ tại đồng nhằm giảm thiểu nhất những rủi ro thị trường. Bên cạnh đó, nông dân cũng cần thực hiện xử lý ra hoa trái vụ để tránh thu hoạch đồng loạt ảnh hưởng đến giá cả do cung vượt cầu trong không gian thị trường ở Vĩnh Long nói riêng cũng như các tỉnh khác trong vùng như Long An, Tiền Giang và Bình Thuận nơi có diện tích thanh long lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2017.

Quyết định số 1648/QĐ-BNN-TT, ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc “Phê duyệt quy định vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả ở Nam bộ đến năm 2020”. Ngày truy cập 10/5/2020. Địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/quyet-dinh-1648-qd-bnn-tt-bo-nong-nghiep-va-phat-trien-nong-thon-79898-d1.html>.

Boardman, A.E., Greenberg, D.H., Vinning, A. R., and Weimer, D. L., 2006. Cost-Benefit Analysis:

Concepts and Practice. 3rd Edition. Pearson International Edition.

Cục Xúc tiến Thương mại, 2019. Sản xuất và xuất khẩu thanh long năm 2019. Ngày truy cập 10/4/2020. Địa chỉ:

<http://www.vietrade.gov.vn/tin-tuc/tinh-hinh-san-xuat-va-xuat-khau-thanh-long-nam-2019>

FAO (Food and Agricultural Organization), 1997. Investment decisions - Capital budgeting, accessed on April 10, 2020. Available from <http://www.fao.org/3/w4343e/w4343e07.htm>

IFAD (International Fund for Agricultural Development), 2015. Economic and financial analysis of rural investment project. IFAD's International Guidelines, accessed on April 10, 2020. Available from [https://duckduckgo.com/?t=ffnt&q=Economic+and+financial+analysis+of+rural+investment+project.++\(2015\).+IFAD%E2%80%99s+International+Guidelines&ia=web](https://duckduckgo.com/?t=ffnt&q=Economic+and+financial+analysis+of+rural+investment+project.++(2015).+IFAD%E2%80%99s+International+Guidelines&ia=web)

Nguyễn Văn Kế, 2008. Cây Thanh Long. <http://en.hcmuaf.edu.vn/rttc-8137-1/vn/-cay-thanh-long.html>. Trích từ nguồn <http://www.longdinh.com.vn/>. Truy cập ngày 29/7/2020.

Nhật Trường, 2020. Đầu ra trái thanh long bấp bênh do chưa mở rộng thị trường xuất khẩu. <https://vov.vn/kinh-te/dau-ra-trai-thanh-long-bap-benh-do-chua-mo-rong-thi-truong-xuat-khau-1064720.vov>; truy cập ngày 28/7/2020.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Mang Thít, 2019. Báo cáo thương niên ngành nông nghiệp năm 2019.